

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 286/2024/DS-PT

Ngày: 23- 5- 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Bà **Nguyễn Ái Doan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Hà Thúy Thảo** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và ngày 23 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 04 năm 2024 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2024/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 206/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Trúc P, sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: số D, khu phố A, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: số C, đường L, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Thành Đ
-Chi nhánh Văn Phòng L1, Đoàn Luật sư Thành phố C; (Có mặt).

Địa chỉ: Số E N, phường A T, Tiền Giang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1960

Địa chỉ: số B, đường L, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà C: Bà Lê Thị Trúc P, sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: số D, khu phố A, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị T.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Trúc P và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Trúc P là bà Trần Thị Kim C trình bày: Vào ngày 30/9/2020, bà Nguyễn Thị T có vay của bà Lê Thị Trúc P số tiền là 60.000.000 đồng, bà P đã giao đủ 60.000.000 đồng tiền mặt cho bà T. Hai bên có lập biên nhận nhận tiền đề ngày 30/9/2020. Thời hạn vay là 07 tháng kể từ ngày nhận tiền, lãi suất 3%/tháng. Hai bên thỏa thuận đến hạn sẽ trả cả lãi lẫn vốn. Khi đến hạn bà T chỉ trả cho bà P 10.000.000 đồng tiền mặt vào ngày 30/4/2021. Số tiền còn lại bà P đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà T chỉ trả cho bà P 04 tháng tiền lãi (trên số vốn 50.000.000 đồng) là 6.300.000 đồng. Bà T trả tiền lãi thông qua hình thức chuyển khoản và cản trừ tiền hụi, bà T đã chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của bà Trần Thị Kim C và cản trừ tiền hụi bà T tham gia chơi với bà C để bà C giao tiền cho bà P. Nguyên đơn đã cung cấp sao kê tài khoản của bà C thể hiện việc nhận 4.500.000 đồng tiền lãi cho Tòa án. Tại giấy giao hụi ngày 07/11/2020 do bị đơn cung cấp bà C đã cản trừ 1.800.000 đồng tiền hụi của bà T để trả 01 tháng tiền lãi cho bà P.

Bà Lê Thị Trúc P yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả cho bà một lần số tiền vốn gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng trên số vốn gốc kể từ ngày làm biên nhận nợ là ngày 30/9/2020 đến ngày xét xử là 34.002.000 đồng. Bà P đồng ý cản trừ 6.300.000 đồng tiền lãi bà T đã trả cho bà, tiền lãi còn lại là 27.702.000 đồng. Tổng cộng là 77.702.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Vào ngày 30/9/2020, bà có vay của bà Lê Thị Trúc P số tiền là 60.000.000 đồng, bà P đã giao đủ 60.000.000 đồng tiền mặt cho bà. Hai bên có lập biên nhận nhận tiền đề ngày 30/9/2020, toàn bộ chữ viết và chữ ký tên trong biên nhận là tự bà viết và ký tên, khi bà viết biên nhận thì không có nội dung xóa tại góc bên trái phía dưới biên nhận như bà P cung cấp. Thời hạn vay là 07 tháng kể từ ngày nhận tiền, lãi suất theo thỏa thuận là 3%/tháng.

Mỗi tháng bà đã trả cho bà P 1.800.000 đồng tiền lãi, trả bằng tiền mặt. Bà Trần Thị Kim C là người nhận tiền lãi từ bà để giao cho bà P vì bà đang chơi hụi do bà C làm chủ hụi.

Ngày 07/11/2020 bà hốt phần hụi 5.000.000 đồng/tháng của dây hụi khai ngày 19/7/2020 âm lịch do bà C làm chủ hụi. Bà C đã cản trừ 60.000.000 đồng

tiền bà vay của bà P vào số tiền hốt hụi của bà nên nay bà không nợ tiền của bà P nữa.

Tiền bà chuyển cho bà C ngày 13/12/2022 số tiền 6.890.000 đồng gồm 1.500.000 đồng tiền hụi bà lấy của bà N và bà K dùm bà C, đóng hụi cho bà C 5.000.000 đồng, 390.000 đồng tiền lãi của số tiền 13.000.000 đồng bà vay từ bà C.

Ngày 16/01/2023 bà chuyển cho bà C 6.900.000 đồng gồm 5.000.000 đồng tiền hụi bà đóng cho bà C, 400.000 đồng bù hụi, 1.500.000 đồng tiền hụi bà lấy của bà N và bà K dùm bà C.

Ngày 15/3/2023 bà chuyển cho bà C 8.920.000 đồng gồm 5.000.000 đồng tiền hụi bà đóng cho bà C, 1.500.000 đồng tiền hụi bà lấy của bà N và bà K dùm bà C, bù hụi 460.000 đồng, tháng trước thiếu 1.960.000 đồng.

Bà Lê Thị Trúc P yêu cầu bà trả cho bà một lần số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng 77.702.000 đồng thì bà không đồng ý vì bà đã trả xong số tiền này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim C trình bày: Do là chỗ quen biết và là chủ hụi của các dây hụi bà Nguyễn Thị T tham gia nên bà có nhận dùm tiền lãi bà T trả cho bà P.

Bà T trả tiền lãi cho bà P thông qua hình thức chuyển khoản và cản trừ tiền hốt hụi, bà T đã chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của bà 03 lần, mỗi lần 1.500.000 đồng và cản trừ tiền hốt hụi ngày 07/11/2020 số tiền 1.800.000 đồng để bà giao tiền cho bà P.

Bà đã nhận 6.300.000 đồng tiền lãi từ bà T và đã giao đủ cho bà P.

Theo sao kê tài khoản của bà thể hiện ngày 13/12/2022 bà nhận 6.890.000 đồng gồm 1.500.000 đồng tiền lãi bà T chuyển trả cho bà P, đóng hụi cho bà 5.000.000 đồng, bù hụi cho bà N 390.000 đồng. Ngày 16/01/2023 bà nhận 6.900.000 đồng gồm 5.000.000 đồng tiền hụi bà T đóng cho bà, 400.000 đồng bù hụi, tiền lãi chuyển cho bà P 1.500.000 đồng. Ngày 15/3/2023 bà nhận 8.920.000 đồng gồm 5.000.000 đồng tiền hụi bà T đóng cho bà, tiền lãi chuyển cho bà P 1.500.000 đồng, bù hụi 460.000 đồng, tháng trước thiếu 1.960.000 đồng.

Đối với giấy giao hụi ngày 07/11/2020 bà T cung cấp toàn bộ chữ viết và chữ ký tên do bà viết và ký. Nội dung ghi "*Trả Phương: 60.000 đồng*" ở mặt sau giấy giao hụi là một khoản tiền khác giữa bà P và bà T không phải khoản tiền vay ngày 30/9/2020. Nội dung ghi "*Lời Phương 60Tr (30/10): 1800*" là tiền lãi tháng 10/2020 của khoản tiền vay ngày 30/9/2020 bà T trả cho bà P.

Bà T cho rằng đã trả hết tiền vay của biên nhận ngày 30/9/2020 nhưng ngày 07/11/2020 sau khi bà T đã hốt hụi của bà thì đến tháng 12/2022, tháng

01/2023, tháng 3/2023 bà T lại đóng lãi cho bà P thông qua việc chuyển tiền cho bà là không hợp lý.

Giấy giao hụi ngày 07/11/2020 có nội dung: “Lời (mùng 2→22/9) 21 ngày=1.260” là tiền lãi của một khoản tiền vay 60.000.000 đồng khác giữa bà P và bà T. Bà T đã đóng tiền lãi khoản tiền này đến hết ngày 17/10/2020 (nhằm ngày 01/9/2020 âm lịch), sau khi hết hụi hụi ngày 07/11/2020 (nhằm ngày 22/9/2020 âm lịch) bà T đã trả tiền vốn và 21 ngày tiền lãi còn lại của khoản tiền vay này. Khi trả tiền xong bà P trả lại biên nhận nhận tiền cho bà T nên bà P không còn lưu giữ tài liệu chứng minh khoản tiền này.

Người làm chứng bà Trần Hoàng Hải Bích L trình bày: Bà và bà Nguyễn Thị T cùng tham gia chơi hụi do bà Võ Thị K1 làm chủ hụi. Khi bà tham gia chơi hụi của bà K1 thì thay vì đóng tiền hụi chết cho bà K1 thì bà K1 kêu bà đóng cho bà T, hàng tháng bà đưa cho bà Nguyễn Thị T 1.500.000 đồng để đóng tiền hụi chết. Bà giao tiền cho bà T từ ngày 10/11/2022 đến 10/4/2023 thì bà T kêu bà ngừng giao hụi chết. Bà không có nhờ bà Nguyễn Thị T chuyển tiền cho bà Trần Thị Kim C vì bà không biết bà C.

Người làm chứng bà Võ Thị K1 trình bày: Bà Trần Thị Kim C, bà Nguyễn Thị T, bà Trần Hoàng Hải Bích L (N) là hụi viên tham gia chơi hụi do bà làm chủ hụi. Bà làm chủ hụi nhưng bị bế hụi, khi bế hụi bà T vẫn chưa hết hụi, còn bà N thì hết hụi rồi nên bà kêu bà N trực tiếp đóng tiền hụi chết cho bà T luôn chứ bà không thu nữa. Bà T, bà N tự liên hệ nhau đóng tiền hụi chứ bà không rõ họ đóng được bao nhiêu tiền hụi, đóng thời gian nào. Bà không có nhờ bà Nguyễn Thị T chuyển tiền cho bà Trần Thị Kim C.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 30/9/2020 đến ngày 19/01/2024 tròn 39 tháng với mức lãi suất là 1.66%/tháng. Nguyên đơn đồng ý căn trừ tiền lãi vượt mức quy định của pháp luật vào tiền vốn vay.

Bị đơn không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì đã trả xong số tiền vay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim C vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 192, Điều 271; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-

HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Trúc P.

Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Trúc P số tiền 75.738.000 đồng, gồm 47.146.000 đồng tiền vốn và 28.592.000 đồng tiền lãi, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, bị đơn Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa bản án sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn trình bày lý lẽ bảo vệ cho bị đơn: Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn với những căn cứ như sau: Bà P trình bày trước đó có cho bà T vay tiền, tại phiên tòa phúc thẩm thì trình bày chỉ biết bà T vào ngày 30/9/2020, vậy lời trình bày của bà P là mâu thuẫn; Căn cứ vào giấy giao hui của bà C thì thể hiện đã trả cho bà P 60.000.000 đồng cùng tiền lãi. Tại biên bản đối chất (bút lục số 96) thì giấy giao tiền hui ngày 07/11/2020 đã khấu trừ tiền xong. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

-Về tố tụng : Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Nguyên đơn trình bày ngày 30/9/2020 có cho bà T vay số tiền 60.000.000 đồng, có viết biên nhận và được bà T thừa nhận. Bà P thừa nhận bà T đã trả 10.000.000 đồng tiền vốn và 6.300.000 đồng tiền lãi. Bị đơn thì cho rằng đã trả hết theo giấy giao hui ngày 07/11/2020. Xét thấy, chứng cứ này là mâu thuẫn thời gian tính lãi. Xét bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị T lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bị đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Lê Thị Trúc P khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền vay 50.000.000 đồng và trả lãi theo lãi suất 1,66%/ tháng. Thời gian tính lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn chứng minh bằng tờ biên nhận vay tiền ghi ngày 30/9/2020 với nội dung “*Tôi tên Nguyễn Thị T 1966 CMND 311381359. Ngụ 27/5 Lý thường Kiệt P5.TPMT TG Ngày 30/9/2020 T có mượn chị Lê Thị Trúc P số tiền 60.000.000đ(sáu chục triệu đồng chẵn). Tôi hẹn 07 tháng sau sẽ trả lại đúng ngày 30/4/2021. Nếu tôi không trả tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm*”. Cuối biên nhận ký tên và ghi họ tên Nguyễn Thị T. Nguyên đơn trình bày, đến hạn ngày 30/4/2021 thì bà T có trả được 10.000.000 đồng nên còn nợ lại 50.000.000 đồng tiền vay với lãi suất 3%/ tháng. Bị đơn Nguyễn Thị T trình bày, thừa nhận vào ngày 30/9/2020 có vay của bà P 60.000.000 đồng là đúng. Việc vay tiền thông qua bà C giới thiệu, bà T viết biên nhận giao cho bà C và bà C lấy tiền của bà P giao lại cho bà T. Bà T cho rằng số tiền vay 60.000.000 đồng này thì bà T đã giao trả cho bà P xong vào ngày 07/11/2020 cụ thể: Bà T có tham gia 01 dây hui tháng 5.000.000 đồng/ phần gồm 18 phần khai ngày 18/7/2020 âm lịch, hui do Bà C làm chủ thảo. Do tiền lãi của số tiền vay 60.000.000 đồng quá cao (3%/tháng) nên bà T xin bà C cho hốt dây hui này để trả nợ cho bà P thì được bà C đồng ý. Ngày 07/11/2020 (nhằm ngày 22/9/2020 âm lịch) bà C có giao cho bà T tiền hốt hui và giấy hui ghi số tiền 72.200.000 đồng bà C đã trừ 60.000.000 đồng tiền vay của bà P và ghi nội dung “***Trả Phương: 60.000***” và trừ các khoản tiền lãi, tiền nợ do T thiếu thì bà T thực nhận với số tiền 11.920.000 đồng. Sau

khi Tòa án sơ thẩm xét xử buộc bà T phải trả bà P số tiền số tiền 75.738.000 đồng, gồm 47.146.000 đồng tiền vốn và 28.592.000 đồng tiền lãi thì bà T kháng cáo bản án sơ thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Trước hết, đối với số tiền vay 60.000.000 đồng và lãi suất 3%/tháng do bà T vay của bà P thông qua bà C giới thiệu. Bà T viết biên nhận vay tiền của bà P, đưa biên nhận cho bà C giữ. Bà C nhận tiền từ bà P đưa cho bà T. Quá trình theo dõi trả tiền lãi thì do bà C nhận tiền từ bà T. Các văn đề này đều được các đương sự thừa nhận, nên cần xác định đây là sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T có vay tiền của bà P (Thông qua việc giao nhận với bà C) với số tiền 60.000.000 đồng là có thật.

[3.2] Xét nội dung bản án sơ thẩm đã căn cứ vào việc bà T xác định nội dung tin nhắn *"tiền lãi cho con P 1500"* vào các ngày 11/12/2022 *"tiền lãi con phương 1500"* vào ngày 11/01/2023 *"Lấy tiền Phương 1,5"* ngày 10/3/2023 do bà C nhắn cho bà T trước khi bà T chuyển khoản tiền cho bà C mà bà T không có ý kiến phản đối. Đồng thời tòa án sơ thẩm cũng căn cứ vào nội dung tính tiền lãi trong tờ giấy giao hụi ngày 07/11/2020 có tính tiền lãi 21 ngày và đối chiếu với kỳ tính lãi là 08 ngày nên xác định số tiền 60.000.000 đồng ghi *"trả P: 60.000đồng"* là khấu trừ vào số tiền vay khác của bà T với bà P chứ không phải số tiền vay 60.000.000đồng vay vào ngày 30/9/2020, đồng thời xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa có cơ sở vững chắc. Bởi các căn cứ như sau:

- Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P ủy quyền cho bà C trình bày số tiền vay 60.000.000 đồng thì đến ngày 30/4/2021 thì bà T chỉ trả được 10.000.000 đồng vốn vay. Bà T thì không thừa nhận trả 10.000.000 đồng vào ngày 30/4/2021. Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thì không thể hiện việc trả tiền 10.000.000 đồng. Như vậy việc bà P cho rằng bà T vay 60.000.000 đồng, đến ngày 30/4/2021 trả 10.000.000 đồng là không có cơ sở xác thực. Mãi đến ngày 13/12/2022 (20 tháng sau) bà T có chuyển khoản cho bà C số tiền 6.890.000 đồng ; ngày 16/01/2023 bà T chuyển khoản cho bà C số tiền 6.900.000đồng; Ngày 15/3/2023 bà T chuyển khoản cho bà C số tiền 8.920.000đồng. Bà C cho rằng trong 03 lần chuyển tiền này thì mỗi lần chuyển tiền đều có 1.500.000 đồng tiền lãi của bà P. Bà T thì không thừa nhận chuyển tiền trả tiền lãi . Xét thấy, giữa bà T và bà C có rất nhiều giao dịch về nợ hụi và nợ vay , trong các tờ sao kê chuyển khoản tiền giữa bà T cho bà C thì chỉ ghi *"TUOI CHUYEN TIEN"* không thể hiện trong số tiền trả có ghi là trả lãi cho bà P 1.500.000 đồng .

Ngoài ra , nếu là tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng từ ngày 30/4/2021 đến ngày chuyển khoản trả tiền lãi đầu tiên là 20 tháng chứ không phải 1 tháng. Do đó, việc bà C cho rằng trong 03 lần chuyển khoản tiền cho bà C thì mỗi lần có trả 1.500.000 đồng tiền lãi cho bà P là không có cơ sở.

- Tại biên bản đối chất ngày 08/12/2023 của Tòa án sơ thẩm (bút lục 92-96) giữa bà P – Bà T – Bà C thì cả 03 đương sự cùng thừa nhận số tiền vay 60.000.000 đồng , ngày vay 30/9/2020, thời hạn vay 07 tháng, lãi suất vay 3%/tháng. Tại câu hỏi của Thẩm phán sơ thẩm trong biên bản đối chất “Giấy giao hội ngày 07/11/2020 ghi nội dung “trả P 60.000 là tiền gì” thì được các đương sự trả lời như sau :

Bà phương: “Bà không rõ nội dung căn trừ tiền hội giữa bà T và bà C vào ngày 07/11/2020 nhưng khoản đầu năm 2020 Bà C có giới thiệu bà cho bà T vay 60.000.000đồng, bà nghĩ khoản tiền này là căn trừ số tiền bà T nợ bà nhưng khi trả xong thì biên nhận bà đã giao lại cho bà T nên bà không còn giữ.”

Bà T: “Là tiền bà vay bà P ngày 30/9/2020. Từ trước đến nay bà chỉ vay bà P một lần vào ngày 30/9/2020.”

Bà C: “Đây là tiền gì giữa bà P và bà T thì bà không biết nhưng khi bà T hết hội thì bà P có kêu bà căn trừ số tiền 60.000.000đồng để giao lại bà P và bà T đồng ý.”

Xét thấy, tại nội dung đối chất này thì việc bà C khấu trừ tiền hết hội của bà T với số tiền 60.000.000 đồng là có thật, được thể hiện vào tờ giấy giao hội do bà C viết và trừ nhiều khoản tiền trong đó có 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà P thì cho rằng đây là số tiền bà P cho vay trước đây đối với bà T. Bà T thì không thừa nhận có vay số tiền khác ngoài số tiền vay ngày 30/9/2020. Bà C thì cho rằng không biết tiền gì nhưng bà P kêu trừ thì bà khấu trừ và giao lại cho bà P được bà T đồng ý. Như vậy đã có cơ sở xác định theo tờ giấy giao hội ngày 07/11/2020 thì bà C có khấu trừ số tiền 60.000.000 đồng của bà T và giao lại cho bà P là có thật, nhưng mỗi người trình bày theo cách riêng của mình và không có chứng cứ gì chứng minh, trong khi đó giấy giao hội ngày 07/11/2020 thì có thể hiện việc khấu trừ tiền hội của bà T với số tiền 60.000.000 đồng.

- Biên bản đối chất của Tòa án sơ thẩm đã được tòa án phúc thẩm thông qua phần hỏi để làm rõ. Tại phiên tòa phúc thẩm thì bà P tự tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn và bà P nhận ủy quyền của bà C với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Lời trình bày của bà P tại phiên tòa phúc thẩm thì không nhất quán . Bà P cho rằng ngày 30/9/2020 (ngày cho vay tiền) là ngày đầu tiên bà P biết bà T thông qua bà C giới thiệu, mọi việc đưa tiền vốn vay và

nhận tiền lãi đều do bà C giao dịch với bà T, quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm thì bà cho rằng bà T trả trực tiếp cho bà số tiền vốn vay 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm đã công bố nội dung đối chất thì bà P cho rằng trước đây (không nhớ ngày tháng) cũng thông qua bà C có cho bà T vay số tiền 60.000.000 đồng nhưng bà T đã trả rồi nên bà P trả biên nhận lại cho bà T. Sau đó thì mới cho vay tiếp số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 30/9/2020. Xét thấy, lời trình bày của bà P là không trung thực và bà P cho rằng trả xong nợ cũ thì bà mới cho vay tiếp số tiền 60.000.000 đồng ngày 30/9/2020. Như vậy số nợ trừ 60.000.000 đồng trong biên nhận giao hội ngày 7/11/2020 là phát sinh sau khi vay số tiền ngày 30/9/2020. Chứng tỏ số tiền ghi “*Trả Phương: 60.000*” trong giấy giao hội ngày 07/11/2020 là khấu trừ số nợ vay ngày 30/9/2020, bà P thừa nhận có nhận 60.000.000 đồng nhưng cho rằng là khoản tiền vay khác nhưng bà P không có căn cứ chứng minh và trình bày hai khoản tiền hoàn toàn mâu thuẫn. Việc trả tiền vay bằng cách khấu trừ tiền hội của bà T là phù hợp với lời trình bày của bà T cho rằng do tiền lãi 3% là quá cao nên xin bà C cho hốt hội để trả bà P để không bị tính tiền lãi của số tiền vay ngày 30/9/2020.

[4] Từ những căn cứ như trên, xét kháng cáo của bị đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Xét lời đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được hoàn lại. Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Trúc P về việc khởi kiện đòi bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền 75.738.000 đồng, gồm 47.146.000 đồng tiền vốn và 28.592.000 đồng tiền lãi.

3. Về án phí :

- Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm , được hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005678 ngày 25/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Lê Thị Trúc P phải chịu 3.786.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 1.831.000 đồng (*Một triệu tám trăm ba mươi một nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0024412 ngày 19/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, nên phải nộp tiếp số tiền 1.955.900 đồng

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Tuyên án công khai lúc 08 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 5 năm 2024.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt